



## ĐIỀU TRA XU HƯỚNG KINH DOANH - TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN

ThS. Hồ Điệp Liên Chi \*

**H**oạt động điều tra xu hướng kinh doanh (Business Tendency Survey - BTS) đã được nhiều Ngân hàng Trung ương các nước trên thế giới thực hiện (như Thái Lan, EU, OECD, Viện Nghiên cứu kinh tế Thụy Sĩ...) trên nhiều lĩnh vực: sản xuất kinh doanh, đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm, tổ chức tài chính... và là một nguồn thông tin cần thiết trong công tác dự báo. Điều tra xu hướng kinh doanh là việc đề nghị các doanh nghiệp cung cấp các thông tin để đánh giá tình hình kinh doanh trong quá khứ và hiện tại và dự báo xu hướng kinh doanh trong tương lai. Các kết quả điều tra doanh nghiệp đưa ra những dự đoán về xu hướng kinh tế và đặc biệt cho biết những thay đổi theo chu kỳ sớm hơn so với số liệu thống kê chính thức. Hoạt động điều tra xu hướng kinh doanh nhằm thu thập thông tin bổ sung cho số liệu thống kê chính thức hoặc chưa có trong thống kê chính thức với mục đích hỏi các câu hỏi định tính nhưng việc phân tích kết quả điều tra cho kết quả mang tính định lượng (thông qua phương pháp cân bằng - Balance method). Kết quả của cuộc điều tra xu hướng kinh doanh có ý nghĩa đối với công tác dự báo, đặc biệt là dự báo ngắn hạn.

### Tại sao thực hiện điều tra xu hướng kinh doanh?

Kho dữ liệu của mỗi quốc gia đều có các số liệu thống kê chính thức, tuy nhiên, không phải lúc

nào số liệu chính thức cũng tốt mà có những hạn chế nhất định. Thông thường, đối với các số liệu thống kê chính thức, rất khó khăn trong việc thu thập những thông tin đáng tin cậy (nhất là những thông tin định tính) và mất nhiều thời gian để thu thập và xuất bản thông tin. Thêm vào đó, các số liệu thống kê chính thức được công bố đầu tiên thường mang tính tạm thời (Ví dụ ở Thụy Sĩ, số liệu GDP của năm 2009 đến năm 2012 mới có số liệu cuối cùng để công bố) và thường bị giới hạn trong những khoản mục chính.

Điều tra xu hướng kinh doanh là nguồn số liệu bổ sung cho số liệu chính thức. Hình thức này hạn chế được những nhược điểm của số liệu thống kê chính thức bởi việc xử lý dữ liệu đơn giản. Từ các kết quả định tính, người ta có thể định lượng những thay đổi bằng phương pháp cân bằng (Balance Method), các yếu tố theo mùa và theo xu hướng được loại bỏ. Số liệu điều tra xu hướng kinh doanh cung cấp thông tin ngắn hạn về hoạt động kinh tế, suy thoái và phát triển của sản lượng tiềm năng, giúp chúng

ta phân tích chu kỳ kinh doanh và dự báo các hoạt động kinh tế.

Đối với thống kê chính thức quan tâm nhiều đến tốc độ tăng trưởng, nhưng BTS quan tâm nhiều đến độ lệch chuẩn so với tăng trưởng thông thường và các điểm ngoặt của nền kinh tế "turning point".

Bằng những phương pháp đơn giản và dễ thực hiện, BTS đã được nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện (như Viện Nghiên cứu kinh tế Thụy Sĩ - KOF, Thái Lan, EU, OECD...) và đạt được những kết quả khả quan. Các số liệu từ BTS được đánh giá là có chất lượng khá cao, tính toán minh bạch với các quy trình tổng hợp dễ hiểu và dễ thực hiện. Số liệu BTS được đánh giá là đạt chuẩn mực quốc tế đối với độ tin cậy do số liệu điều tra tương thích với số liệu thống kê chính thức, đồng thời, số liệu BTS có tính so sánh cao giữa các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất của nền kinh tế cũng như giữa các quốc gia, kịp thời đáp ứng yêu cầu cho những nhà hoạch định chính sách. Do vậy, số liệu từ BTS là một thành phần quan trọng giúp ích cho các nhà kinh tế trong việc nghiên cứu và hoạch định chính sách.

### Ý nghĩa của việc sử dụng kết quả BTS

Kết thúc một cuộc điều tra xu hướng kinh doanh, thông thường



\* Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ - NHNN



Điều tra xu hướng kinh doanh được NHNN thực hiện đối với các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam từ cuối năm 2011

các cơ quan sẽ có báo cáo về kết quả điều tra và những cuộc họp báo, thông cáo báo chí để công bố kết quả điều tra. Có nhiều đối tượng quan tâm tới kết quả của BTS.

#### **Đối với Chính phủ và NHTW**

Thông qua kết quả điều tra xu hướng kinh doanh, Chính phủ cũng như NHTW sẽ có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh thực tế và về khía cạnh tiền tệ của nền kinh tế trong tương lai gần để từ đó có những chính sách, biện pháp điều chỉnh kịp thời. Đánh giá sự phát triển kinh tế: đặc biệt là kết quả điều tra chỉ ra những điểm “turning point” (điểm bước ngoặt) và biết được dự báo mang tính ngắn hạn cho từng yếu tố như: tình hình thay đổi trên thị trường lao động, vốn, sản phẩm dịch vụ; BTS giúp Chính phủ biết được dấu hiệu của sự phát triển kinh tế trong thực tế và tương lai gần (phát triển hay suy thoái); BTS cho thấy sự khác nhau của các ngành, lĩnh vực kinh tế để tìm ra tính bất bình đẳng giữa các ngành nghề và có điều chỉnh phù hợp; BTS giúp Chính phủ nắm thông tin về tình hình các doanh nghiệp và vị thế cạnh tranh của các doanh

nh nghiệp; đồng thời giúp Chính phủ và NHTW biết được triển vọng của nền kinh tế về mặt tiền tệ, qua đó biết được kỳ vọng lạm phát của công chúng.

#### **Đối với các doanh nghiệp, đơn vị là đối tượng điều tra**

Trong báo cáo kết quả điều tra gồm có các nhận xét, các lời giải thích, các biểu đồ cũng như bình luận được rút ra từ thực tế điều tra. Điều đó cho thấy những thông tin về thị trường cũng như những thông tin của bản thân doanh nghiệp họ so với cùng nhóm, so với cùng ngành và so với thị trường sẽ có những biến động, chênh lệch. Điều này giúp bản thân các doanh nghiệp biết được bản thân họ đã hoạt động tốt hay chưa để có hướng sửa đổi hoặc phát huy trong thời gian tới. Từ các thông tin từ cuộc điều tra doanh nghiệp có thể xây dựng kế hoạch, chiến lược phù hợp hơn.

Một số tổ chức phi chính phủ khi thực hiện BTS có thể thêm các quyền lợi cho các doanh nghiệp để khuyến khích họ tham gia cuộc điều tra, đối với Viện Nghiên cứu Thụy Sĩ, khi các doanh nghiệp tham gia cuộc điều tra, họ có các

quyền lợi nhất định như được cung cấp các thông tin như các báo cáo hàng quý với các thông tin đáng lưu ý và các bình luận; các bảng biểu hàng tháng với các thông tin ngắn; các so sánh của bản thân công ty với các đơn vị khác cùng nhóm. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng có thể yêu cầu các tổ chức thực hiện BTS cung cấp các thông tin chi tiết, bảng biểu, các thông tin về nghiên cứu kinh tế rút ra từ kết quả điều tra theo yêu cầu của họ (các thông tin này thường phải trả phí, có thể miễn phí lần đầu).

#### **Đối với công chúng**

Công chúng thường quan tâm đến tình hình chung của nền kinh tế, thị trường lao động, tình hình lạm phát, thất nghiệp... Các thông tin từ BTS có tính định hướng cho công chúng trong việc đánh giá nền kinh tế.

#### **Đối với các nhà nghiên cứu kinh tế**

Qua đó có thể thực hiện phân tích vĩ mô (mức độ kỳ vọng của các doanh nghiệp, tỷ lệ phi lạm phát trong việc sử dụng công suất của doanh nghiệp), phân tích vĩ mô (dự đoán sự phát triển của ngành sản xuất công nghiệp, phân tích chu kỳ kinh doanh trên lãnh thổ địa lý) và phân tích các mô hình kinh tế...

#### **Kinh nghiệm quốc tế về điều tra xu hướng kinh doanh**

Điều tra xu hướng kinh doanh là một trong những sản phẩm dịch vụ chính của Viện Nghiên cứu kinh tế Thụy Sĩ (KOF) được tiến hành đầu tiên vào năm 1955 với việc điều tra trong lĩnh vực sản xuất và tiếp đó là các lĩnh vực khác như: bán lẻ, xây dựng, khách sạn và nhà hàng... Đến năm 2000, bắt đầu thực hiện điều tra trong lĩnh vực ngân hàng và tiếp sau đó là các lĩnh vực liên quan đến tài chính như: bảo hiểm,



dịch vụ tài chính khác... KOF thực hiện điều tra dựa trên hình thức tự nguyện của các doanh nghiệp mà không có chế tài nào bắt buộc họ phải trả lời. Tuy nhiên, trước khi tiến hành cuộc điều tra, họ sẽ hỏi các doanh nghiệp là có muốn tham gia cuộc điều tra không, nếu doanh nghiệp đồng ý thì KOF mới đưa vào mẫu điều tra. Trong trường hợp này, tỷ lệ trả lời bằng hỏi sẽ cao hơn, thông thường tỷ lệ trả lời bằng hỏi của KOF xấp xỉ khoảng 60%.

**Giới thiệu bảng hỏi của KOF, OECD và EU (phụ lục đính kèm)**

Bảng hỏi của EU là bảng câu hỏi theo định kỳ tháng, với các vấn đề như: tình hình kinh doanh trong 3 tháng tới (tốt, bình thường, xấu), nhu cầu trong 3 tháng trước và dự báo cho 3 tháng tới (tăng, không đổi, giảm), số lượng lao động trong 3 tháng trước và dự báo cho 3 tháng tới (tăng, không đổi, giảm).

Đối với các câu hỏi theo quý, EU bổ sung các câu hỏi về thu nhập hoạt động 3 tháng vừa qua, vị thế cạnh tranh (trong quốc gia, khu vực châu Âu, ngoài châu Âu).

Bảng hỏi của KOF ngoài những câu hỏi như của EU, còn có thêm một số câu hỏi: tình hình kinh doanh tại thời điểm hiện tại (tốt, hài lòng, xấu), trong 6 tháng tới (tốt, bình thường, xấu).

**Các loại câu hỏi**

Trong điều tra xu hướng kinh doanh thông thường có 2 dạng câu hỏi là dạng câu hỏi định tính (hỏi về diễn biến, ý kiến đánh giá) và dạng câu hỏi định lượng (con số cụ thể về lãi suất, lợi nhuận...).

- Dạng câu hỏi định tính: hỏi về diễn biến trong quá khứ, các kỳ vọng về tương lai, hỏi ý kiến đánh giá. Đa phần các câu hỏi sẽ tập trung hướng đến các chỉ số cân bằng với giá trị bằng 0, tuy nhiên, trong một số trường hợp, chúng ta cần hướng tới mức bình quân trong dài hạn qua các chu kỳ kinh doanh mà không nhất thiết lấy giá trị cân bằng là 0. Trường hợp này chúng ta cần dựa vào chuỗi dữ liệu đủ dài để tính toán giá trị cân bằng.

- Dạng câu hỏi định lượng: có thể phân tích dựa trên các giá trị trung bình.

**Cách thức chọn mẫu**

Trước khi tiến hành chọn mẫu, người ta thường tìm kiếm danh sách địa chỉ của tất cả các cá thể của quần thể mục tiêu, trong đó gồm các thông tin chi tiết như tên doanh nghiệp, địa chỉ bưu điện, lĩnh vực hoạt động/các hoạt động, người liên hệ, số điện thoại, địa chỉ email, số nhân viên, doanh thu...

Sau khi có bảng danh sách cụ thể, người ta mới tiến

hành lấy mẫu. Mẫu là một bộ phận được tách ra từ danh sách các đơn vị điều tra, khi lấy mẫu cần chọn mẫu có tính đại diện cao. Có nhiều cách lấy mẫu khác nhau, tuy nhiên, về cơ bản, được chia thành 2 cách: Lấy mẫu theo xác suất và lấy mẫu phi xác suất. Khi tiến hành lấy mẫu điều tra, chỉ nên áp dụng một quy tắc chọn mẫu chung cho tất cả các nhóm đối tượng.

Quy tắc chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản:

Chọn một cách ngẫu nhiên các công ty để đưa vào mẫu điều tra trong danh sách các đơn vị điều tra. Nhược điểm của phương pháp này là có thể không chọn được các đơn vị lớn, có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế.

Theo cách chọn mẫu này phải đạt được độ tin cậy đến 95%, độ lệch chuẩn 5% và P=0,5. Công thức tính mẫu ngẫu nhiên đơn giản:

$$n_1 = \frac{z^2 P(1-P)}{e^2}$$

$$n_2 = n_1 \frac{N}{N + n_1}$$

$$n = \frac{n_2}{r}$$

Trong đó:  
 n = quy mô mẫu yêu cầu (số đơn vị mẫu)  
 z = độ tin cậy  
 P = Tần suất xuất hiện dự kiến của biến quan tâm (Estimated prevalence of the variable of interest)  
 e = Sai số chọn mẫu, sự khác nhau giữa giá trị ước lượng của mẫu và giá trị của tổng thể chung  
 r = Tỷ lệ phản hồi

n1, n2 - Quy mô mẫu  
 N - Tổng thể chung là toàn bộ các đơn vị thuộc đối tượng điều tra của một cuộc điều tra chọn mẫu

Đối với OECD, EU và KOF, chọn mẫu phân tầng được khuyến nghị thực hiện đối với các quần thể doanh nghiệp, trong đó, mỗi mẫu nên có ít nhất là 30 phản hồi. Tuy nhiên, đối với những mẫu gồm toàn bộ quần thể chỉ có số lượng ít doanh nghiệp, ngưỡng phản hồi có thể giảm xuống, tuy nhiên không nên dưới 20 phản hồi. Nếu số lượng phản hồi của nhóm doanh nghiệp đó ít hơn 20, thì không nên có báo cáo kết quả điều tra của nhóm doanh nghiệp đó (tuy nhiên vẫn tổng hợp và phân tích kết quả cho toàn hệ thống).

**Áp dụng trọng số trong tính toán kết quả điều tra**

Có 2 kiểu tính toán trọng số: trọng số cho câu hỏi điều tra (đối với từng phương án trả lời) và trọng số cho các đơn vị tham gia điều tra (trọng số dựa trên quy mô của các doanh nghiệp).

Tại sao phải tính toán trọng số?

- Thông thường các câu hỏi điều tra xu hướng kinh doanh là câu hỏi mang tính định tính, vì vậy, khi tổng hợp các câu trả lời đối với mỗi câu hỏi không dễ hiểu và khó phân tích, tổng hợp nếu không chuyển đổi dữ liệu. Vì vậy, chúng ta cần chuyển đổi các câu trả lời định tính thành thông tin định lượng.

- Trong một câu hỏi thường có 3 hoặc 5 phương án trả lời, tuy nhiên, chúng ta chỉ muốn nhận được một con số cô đọng cho mỗi câu hỏi (không phải là 3 con số hoặc nhiều hơn) để qua kết quả có thể diễn giải được tình hình kinh tế và so sánh kết quả của một số câu hỏi với các số liệu thống kê chính thức.

- Trong điều tra xu hướng kinh doanh, các doanh nghiệp lớn có ảnh hưởng lớn hơn đối với sự phát triển kinh tế so với các doanh nghiệp nhỏ nên khi chọn mẫu điều tra, người ta thường thiên về lựa chọn các công ty lớn cao hơn công ty nhỏ.

Vì vậy, chúng ta cần tính toán trọng số đối với kết quả điều tra.

Tính toán trọng số trong một câu hỏi - Phương pháp tổng hợp cân bằng

Trong một câu hỏi điều tra, có thể có từ 3 đến 5 phương án trả lời và chúng có mối quan hệ với nhau, vì vậy, để phân tích riêng lẻ từng phương án, không dễ diễn giải và cho ra kết quả chính xác. Vì vậy, có những phương pháp khác nhau để tổng hợp các phương án trả lời trong một câu hỏi thành một chỉ số. Hiện nay, phương pháp phổ biến nhất và được nhiều quốc gia trên thế giới (như KOF, EU, OECD...) sử dụng là phương pháp cân bằng. Phương pháp cân bằng được hầu hết các nước sử dụng để tổng hợp kết quả điều tra xu hướng kinh doanh. Phần lớn cơ quan sử dụng phương pháp tính cân bằng khi tính toán trong điều tra kỳ vọng. Theo phương pháp này, từ kết quả định tính, người ta có thể định lượng những thay đổi bằng phương pháp cân bằng. Phương pháp này được thực hiện bằng cách gán trọng số cho các phương án trả lời.

<p><b>Đối với câu hỏi có 5 phương án trả lời:</b>  <math>PP + P + E + M + MM = 100\%</math>                  Chỉ số cân bằng:  <math>B = (PP + 0,5P) - (MM + 0,5M)</math></p> <p><b>Đối với các câu hỏi có 3 phương án trả lời:</b>  <math>P + E + M = 100\%</math>                  Chỉ số cân bằng:  <math>B = P - M</math></p> <p>Trong phương pháp cân bằng, tỷ lệ % câu trả lời là "không đổi" (E) không được xét đến.</p>	<p><b>Trong đó:</b>                  PP = tỷ lệ % câu trả lời là "tăng mạnh" hoặc "cải thiện nhiều"...                  P = tỷ lệ % câu trả lời là "tăng nhẹ" hay "cải thiện ít"...                  M = tỷ lệ % câu trả lời là "giảm nhẹ" hay "suy giảm ít"...                  MM = tỷ lệ % câu trả lời là "giảm mạnh" hay "suy giảm nhiều"...                  E = tỷ lệ % câu trả lời "không đổi"...                  Đối với câu hỏi chỉ có 3 phương án trả lời:                  P = tỷ lệ % câu trả lời "tăng" hay "cải thiện"...                  M = tỷ lệ % câu trả lời "giảm" hay "kém"...</p>
---	---

Nếu  $B=0$ , nghĩa là tỷ lệ câu trả lời là "tăng" hoặc "cải thiện" bằng với tỷ lệ câu trả lời là "giảm" hoặc suy giảm, ta kết luận trên thị trường, chưa hình thành được xu hướng rõ ràng, biến động xoay quanh mức không đổi.

Nếu  $B>0$  nghĩa là nhiều TCTD đánh giá/dự báo "tăng" hơn so với các TCTD đánh giá/dự báo giảm, do đó, xu hướng chủ đạo là tăng (tốt hơn, cải thiện hơn...)

Nếu  $B<0$ , nghĩa là xu hướng chủ đạo là giảm (xấu hơn, kém hơn...)

**Tính toán trọng số cho từng đơn vị điều tra**

Trong thực tế, đối với hầu hết các câu hỏi, số lượng lao động của các doanh nghiệp được dùng là thang xác định trọng số, tuy nhiên, nếu sử dụng các chỉ tiêu khác như vốn tự có, tổng tài sản... kết quả có thể sẽ không khác nhiều so với việc sử dụng số lượng lao động.

Như vậy, áp dụng việc tính toán trọng số theo vốn điều lệ (hoặc tổng tài sản, thu nhập, lợi nhuận) cho các doanh nghiệp điều tra, tỷ lệ % của các phương án trả lời cũng sẽ thay đổi theo. Cách tính toán này chỉ

áp dụng đối với các doanh nghiệp có phản hồi phiếu điều tra.

Ngoài ra, có thể chọn một số cách tính toán trọng số khác đối với toàn bộ tổng thể doanh nghiệp điều tra mà không nhất thiết tính cho mẫu. Ví dụ, chia quần thể doanh nghiệp thành 3 nhóm (doanh nghiệp lớn, nhỏ và vừa), sau đó, có thể chọn cách tính toán trọng số cho từng nhóm doanh nghiệp đó dựa trên tổng số tài sản: doanh nghiệp lớn: 0,5 (chiếm 50% tổng tài sản), doanh nghiệp vừa: 0,3 (chiếm 30% tổng tài sản) và doanh nghiệp nhỏ: 0,2 (chiếm 20% tổng tài sản).

**Tính toán các chỉ số tổng hợp**

Mục đích của việc tính toán các chỉ số tổng hợp là để tìm kiếm số liệu trong điều tra xu hướng kinh doanh có thể hiện các diễn biến hoặc xu hướng của nền kinh tế. Lựa chọn chỉ số là một biến đơn hoặc một tập hợp biến đơn (tổng hợp), có thể có một trong 3 đặc điểm sau:

- Chỉ số dẫn dắt
- Chỉ số đồng thời
- Chỉ số trễ

Thông thường, các chỉ số dẫn dắt và chỉ số đồng thời, có thể sử dụng để dự báo được, còn các chỉ số trễ không dùng để dự báo mà chỉ để tham khảo và đối chiếu với kết quả thực tế.

**Một số ví dụ về chỉ số tổng hợp:**

- Chỉ số về các kế hoạch của doanh nghiệp gồm các chỉ số đơn lẻ sau:
  - + Kế hoạch sản xuất
  - + Kế hoạch mua đối với bán thành phẩm
  - + Trung bình của các cân bằng (B)
- Chỉ số về xu hướng việc làm bao gồm các chỉ số đơn lẻ sau:
  - + Đánh giá về nhu cầu việc làm
  - + Diễn biến kỳ vọng về việc làm
  - + Trung bình của các cân bằng (B)

Muốn biết chỉ số tổng hợp có phải là chuỗi dẫn dắt, chuỗi đồng thời hay chuỗi trễ với chuỗi dữ liệu tham chiếu hay không, chúng ta cần tính hệ số tương quan (có thể tính trên phần mềm Eviews hoặc excel) cho chuỗi dữ liệu. Chọn hệ số tương quan lớn nhất thể hiện là chuỗi dẫn dắt (tính tiến chuỗi số liệu), đồng thời hoặc trễ (lùi chuỗi dữ liệu).

Để xác định sự chuyển động của chu kỳ kinh doanh, cần áp dụng quá trình làm trơn tích cực đối với chuỗi thời gian, nghĩa là cần phải loại bỏ tính mùa vụ thì mới nhận xét kết quả chính xác.

Để loại bỏ các biến động theo mùa, chu kỳ kinh doanh... của chuỗi dữ liệu, chúng ta cần điều chỉnh dữ liệu để loại bỏ yếu tố mùa vụ và làm trơn số liệu. Mỗi chuỗi thời gian có thể được phân tích theo xu hướng,



chu kỳ kinh doanh, mùa và biến động ngẫu nhiên:  $y = t + bc + s + u$ . Dữ liệu điều tra xu hướng kinh doanh tổng hợp được, không có xu hướng  $t$ . Do vậy, chúng ta chỉ phải quan tâm đến 3 yếu tố của công thức trên. Với các câu hỏi về tác động tiềm năng theo biến số mùa vụ  $s$ , người được điều tra được yêu cầu phản hồi về sự phát triển mà không kể đến biến động mang tính mùa vụ. Trong thực tế, chuỗi thời gian của số liệu BTS kết hợp với yếu tố mùa vụ cho dù người được điều tra loại bỏ tính mùa vụ.

**Các câu hỏi nên được loại bỏ yếu tố mùa vụ:**

- Về thay đổi trong quá khứ
- Về thay đổi trong thì tương lai
- Một số câu hỏi định lượng
- Những câu hỏi nói chung không có mô hình mùa vụ rõ rệt: Phán đoán; các câu hỏi so sánh tình hình của năm so với năm trước đó

Để làm trơn số liệu, người ta thường sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó phương pháp được sử dụng khi chỉ có chuỗi số liệu ngắn là trung bình trượt. Ưu điểm của phương pháp này là các giá trị ổn định, có thể áp dụng với chuỗi thời gian ngắn, nhưng nhược điểm là chuỗi thời gian bắt đầu muộn hơn và kết thúc sớm hơn chuỗi gốc.

Ngoài ra, có một số phương pháp khác được áp dụng như chương trình phức hợp như chương trình CENSUS X11/12 (ưu tiên dùng cho chuỗi dữ liệu dài), Chương trình phức hợp ổn định tại điểm cuối (lọc trực tiếp).

**Lỗi và sai sót trong quá trình thực hiện điều tra**

Trong quá trình thực hiện điều tra, có một số lỗi có thể gặp phải như sau: Lỗi khi chọn mẫu (lỗi này thường khó kiểm soát), lỗi liên quan đến phạm vi điều tra (điều tra lĩnh vực này nhưng có lẫn một số công ty thuộc lĩnh vực khác hoặc bỏ sót, danh sách điều tra thiếu tính đầy đủ, nhiều doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh hoặc kinh doanh nhiều ngành nghề và lĩnh vực, chuyển đổi địa chỉ làm việc mà không thông báo, trùng lặp tên trong danh sách điều tra...), lỗi liên quan đến việc tính toán (do người trả lời hiểu sai câu hỏi, lỗi do người tổng hợp thông tin của doanh nghiệp nhầm lẫn, sai sót, do nhiều cách điều tra nên các yếu tố trả lời sẽ khác nhau, do phản hồi chưa đạt yêu cầu, thiếu động lực để báo cáo chính xác, câu hỏi thiếu sự rõ ràng...), lỗi trong quá trình xử lý dữ liệu (lỗi do nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu, thực hiện các chương trình tính toán, tính toán trọng số, lập bảng, vẽ biểu đồ...), lỗi do các đơn vị không gửi phản hồi (một số câu hỏi bị bỏ trống, trả lời sai...)

**Một số cách xử lý nhằm giảm thiểu lỗi và sai sót:**

- Cần chú ý câu chữ, giải thích rõ ràng trong bảng hỏi để tránh hiểu nhầm
- Có cơ chế kiểm soát chặt chẽ trong quá trình xử lý dữ liệu điều tra
- Liên lạc trực tiếp với đối tượng điều tra trong trường hợp không nhận được phản hồi hoặc nhận thấy thiếu câu trả lời, câu trả lời sai, thiếu tính nhất quán.
- Phương pháp suy diễn:
  - + Có thể căn cứ vào các công ty trong cùng lĩnh vực hoặc cùng quy mô hoạt động để suy diễn câu trả lời còn thiếu. Tuy nhiên, cách này khá nhạy cảm do vậy, cũng không được áp dụng thường xuyên trong thực tế.
  - + Căn cứ vào kết quả trả lời tháng trước của doanh nghiệp để suy diễn. Cơ sở lý luận cho cách này là trong vòng 1 tháng (chu kỳ điều tra) công ty chưa có thay đổi nhiều.
  - Phương pháp điều chỉnh trọng số: Khi có các công ty không trả lời làm tăng trọng số do giảm số công ty trả lời. Trong trường hợp này, có thể lựa chọn 1-2 câu hỏi trọng yếu để phỏng vấn công ty qua điện thoại, sau đó, sẽ so sánh với các công ty cùng nhóm (việc điều chỉnh lỗi có một phần thuộc đánh giá chủ quan của người phân tích dựa trên thông tin hiện có).

**Thực tiễn thực hiện điều tra xu hướng kinh doanh tại Việt Nam**

Điều tra xu hướng kinh doanh được Ngân hàng Nhà nước (Vụ Dự báo, thống kê) thực hiện đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam từ cuối năm 2011, lúc đầu được thực hiện theo định kỳ 6 tháng 1 lần, tuy nhiên, kể từ quý IV/2013, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thực hiện theo định kỳ quý. Đến nay, NHNN đã công bố thông tin của 4 cuộc điều tra (6 tháng đầu năm 2013, 6 tháng cuối năm 2013, quý IV/2013 và quý I/2014).

Cuộc điều tra xu hướng kinh doanh nhằm thu thập, tổng hợp các thông tin về tình hình và triển vọng kinh doanh của toàn hệ thống TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Kết quả của cuộc điều tra nhằm đưa ra những chẩn đoán/dự báo về các xu hướng đã và có thể diễn ra, đặc biệt phát hiện những thay đổi chu kỳ kinh doanh sớm hơn các số liệu thống kê chính thức, phục vụ mục đích xây dựng chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước.

Đối tượng điều tra của NHNN là 120 đơn vị gồm toàn bộ trụ sở chính của các TCTD và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam trên phạm vi toàn quốc. Phương pháp thu thập thông tin chủ yếu là gián tiếp theo hình thức gửi bảng hỏi và nhận kết quả trả lời qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử.

Cuộc điều tra của NHNN chủ yếu tập trung vào các nội dung cụ thể:

- Thực trạng tình hình kinh doanh trong quý hiện tại và triển vọng kinh doanh trong quý tới (và năm tới) của TCTD (tốt, không đổi, kém)
- Diễn biến của các nhân tố chính tác động đến hoạt động kinh doanh của TCTD trong quý hiện tại

so với quý trước: gồm các nhân tố chủ quan và khách quan (cải thiện, không đổi, suy giảm):

+ Các yếu tố chủ quan: năng lực tài chính; nguồn nhân lực; trang thiết bị, công nghệ; chính sách và năng lực quản trị rủi ro; chính sách lãi suất, tín dụng, tỷ giá; chính sách và dịch vụ chăm sóc khách hàng; khả năng sáng tạo, cải tiến sản phẩm của đơn vị.

+ Các nhân tố khách quan: điều kiện kinh doanh và tài chính của khách hàng; cầu của nền kinh tế đối với sản phẩm dịch vụ của đơn vị; sự cạnh tranh từ các TCTD khác; cơ chế quản lý và quy định về an toàn hoạt động ngân hàng của NHNN; chính sách tín dụng, lãi suất và tỷ giá của NHNN; các quy định khác của nhà nước và pháp luật (Luật Phá sản, thanh lý tài sản, xử lý con nợ...).

- Đánh giá tác động của các nhân tố tới tăng trưởng tín dụng của đơn vị trong quý hiện tại (tích cực, ổn định, tiêu cực).

- Đánh giá mức độ rủi ro của khách hàng quý hiện tại so với quý trước và dự báo trong quý tới và năm tới (tăng, không đổi, giảm).

- Đánh giá nhu cầu của khách hàng về việc gửi tiền, vay vốn và sử dụng dịch vụ tại TCTD trong quý hiện tại so với quý trước và dự báo trong quý tới, năm tới (tăng, ổn định, giảm).

- Đánh giá bình quân giá các sản phẩm dịch vụ của TCTD trong quý hiện tại so với quý trước và dự báo trong quý tới, năm tới (tăng, không đổi, giảm).

- Kỳ vọng của TCTD về thay đổi lãi suất huy động vốn bình quân và lãi suất cho vay bình quân VND trong quý tới so với quý hiện tại và trong năm tới (không đổi, tăng, giảm bao nhiêu %).

- Các chỉ tiêu liên quan đến kế

hoạch, chiến lược của TCTD: tốc độ tăng trưởng vốn huy động, tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng trong quý tới và năm tới (không đổi, tăng, giảm bao nhiêu %), tình hình thanh khoản của TCTD trong quý hiện tại so với quý trước và dự báo trong quý tới, năm tới (cải thiện, không đổi, suy giảm), một số kết quả hoạt động kinh doanh của TCTD trong quý hiện tại so với quý trước và dự báo trong quý tới, năm tới (tăng, không đổi, giảm), số lượng nhân viên của TCTD trong quý hiện tại so với quý trước và dự kiến trong quý tới, năm tới (tăng, không đổi, giảm).

Hiện nay, NHNN (Vụ Dự báo, thống kê) đã thực hiện được 6 cuộc điều tra xu hướng kinh doanh, kết quả mang lại khá tích cực, phần trả lời của các TCTD khá nhất quán và có tinh thần trách nhiệm. Qua các kỳ điều tra, NHNN nhận thấy các TCTD phản ánh, kỳ vọng, dự báo... tương đối chính xác và phù hợp về tình hình kinh tế vĩ mô, về thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng ngân hàng, về tỷ giá, lãi suất, vốn huy động và cho vay... sẽ diễn ra trong tương lai. Tuy nhiên, vẫn luôn tồn tại khoảng cách giữa thực trạng và kỳ vọng của TCTD, tuy nhiên, khoảng cách này đang dần được thu hẹp dần qua mỗi kỳ điều tra. Tại cuộc điều tra mới nhất (quý I/2014), kết quả điều tra cho thấy tình hình kinh doanh của các TCTD trong quý IV/2013 có nhiều chuyển biến tích cực so với quý III/2013, ghi nhận lần đầu tiên kể từ khi NHNN tiến hành điều tra xu hướng kinh doanh đối với các TCTD, đánh giá về diễn biến thực tế tốt hơn so với mức kỳ vọng trước đó. Đây là tín hiệu đáng mừng về sự phục hồi, củng cố tích cực của hệ thống ngân hàng trong quý cuối của năm 2013 và hứa hẹn triển vọng khả quan hơn trong năm 2014.

Mặc dù trước mắt vẫn còn một số hạn chế nhất định (nguồn nhân lực còn thiếu và chưa được đào tạo chuyên sâu, chưa được trang bị các phần mềm hỗ trợ xử lý và phân tích dữ liệu...), nhưng hoạt động điều tra xu hướng kinh doanh tại NHNN Việt Nam đã mang lại một số thành công nhất định trong việc hỗ trợ tích cực cho hoạt động phân tích, dự báo, phục vụ mục đích xây dựng chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng của NHNN. Hiện tại, NHNN đang dần hoàn thiện việc phân tích kết quả điều tra dựa trên các phương pháp mới như ứng dụng việc tính toán trọng số và sử dụng phương pháp phân tích cân bằng trong xử lý kết quả điều tra. Việc ứng dụng các phương pháp phân tích mới đã góp phần mang lại những kết quả đáng tin cậy và nâng cao chất lượng của báo cáo điều tra.

Về cơ bản, kết quả của các cuộc điều tra đã giúp Chính phủ và NHNN nắm được các thông tin về tình hình và định hướng, chiến lược kinh doanh và vị thế cạnh tranh của các TCTD, đồng thời cung cấp cho NHNN bức tranh tổng quát về thực trạng và kỳ vọng của hệ thống TCTD, từ đó, có những định hướng thị trường kịp thời; cung cấp thông tin sử dụng cho mục đích dự báo, chủ yếu là dự báo trong ngắn hạn. Đối với bản thân các TCTD, kết quả điều tra cũng đã cung cấp cho họ kết quả và kỳ vọng kinh doanh tổng thể của hệ thống ngân hàng, từ đó đối chiếu với kết quả và kỳ vọng kinh doanh của mình xem vị thế của mình ở đâu để từ đó có chiến lược kinh doanh phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo. ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Business Tendency Surveys: A Handbook (2003), OECD.